

Số: **55** /2016/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày ~~14~~ tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong việc cung cấp, cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản quy phạm pháp luật trên hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1028/TTr-STP ngày 12/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

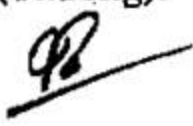
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong việc cung cấp, cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản quy phạm pháp luật cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Hy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT (TTr) UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học Công báo;
- Lưu: VT, TH (Thương).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Đại

QUY CHẾ

**Phối hợp trong việc cung cấp, cập nhật, khai thác và sử dụng
văn bản quy phạm pháp luật trên hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về
pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND

ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, mục đích, trách nhiệm trong việc phối hợp cung cấp, cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản quy phạm pháp luật trên hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh (Văn phòng HĐND tỉnh), Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh); Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp, cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản quy phạm pháp luật trên hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc cung cấp văn bản phải kịp thời, đầy đủ, chính xác để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Bảo đảm tính khách quan, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện, phát huy tính chủ động, tích cực và đề cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao nhất.

Điều 4. Mục đích phối hợp

1. Cung cấp, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước, phổ biến pháp luật, nghiên cứu, tìm hiểu áp dụng và thi hành văn bản pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đồng thời, phục vụ cho công tác rà soát, xây dựng, hệ thống hóa văn bản quy pháp luật.

2. Nâng cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành trong việc tham mưu UBND tỉnh cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành.

Điều 5. Văn bản được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

Các văn bản cập nhật bao gồm:

1. Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh.
2. Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh.
3. Chỉ thị quy phạm pháp luật của UBND tỉnh (trước ngày 01/7/2016).

Chương II

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC CUNG CẤP,
CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU
QUỐC GIA VỀ PHÁP LUẬT**

Điều 6. Trách nhiệm của Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh

1. Ngay sau khi văn bản quy phạm pháp luật được HĐND, UBND tỉnh ban hành, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh thông báo trực tiếp và kịp thời gửi văn bản (bản giấy và bản điện tử) đến cơ quan chủ trì tham mưu soạn thảo, cơ quan cập nhật đối với các văn bản quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Những văn bản quy phạm pháp luật dưới đây Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND gửi đến Sở Tư pháp thực hiện việc cập nhật văn bản trong ngày ban hành (văn bản điện tử gửi qua địa chỉ email: tp@nghean.gov.vn):

a) Văn bản quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quyết định của Quốc hội;

b) Trường hợp để ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định;

3. Cung cấp đầy đủ, chính xác văn bản giấy và văn bản điện tử cho cơ quan chủ trì tham mưu soạn thảo, cơ quan cập nhật văn bản.

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật được ban hành (trừ những văn bản được quy định tại khoản 2 Điều 6 quy chế này), cơ quan được giao chủ trì tham mưu soạn thảo văn bản phải gửi bản giấy và bản điện tử văn bản một cách đầy đủ, chính xác đến Sở Tư pháp để thực hiện cập nhật văn bản (văn bản điện tử gửi qua địa chỉ email: tp@nghean.gov.vn).

2. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh khai thác, sử dụng hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trong việc nghiên cứu, tìm hiểu, áp dụng và thi hành pháp luật.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng thông tin trên mạng; các quy định về khai thác và sử dụng văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

4. Có trách nhiệm tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật vào cổng/trang thông tin điện tử của ngành, cơ quan, đơn vị mình.

5. Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc thường xuyên kiểm tra, rà soát văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Khi phát hiện có sự khác nhau giữa các thông tin cơ bản của văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật với bản chính văn bản do cơ quan mình tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua phải thông báo bằng văn bản đến Sở Tư pháp để thực hiện việc hiệu đính văn bản nhằm bảo đảm tính chính xác của văn bản được đăng tải.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện cập nhật văn bản do HĐND và UBND tỉnh ban hành vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh trong việc cập nhật và kiểm tra các thông tin được hiển thị trên hệ cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại Nghị định 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật nhằm phát hiện và khắc phục những sai sót của văn bản điện tử so với bản chính văn bản. Việc kiểm tra được thực hiện định kỳ, thường xuyên nhằm đảm bảo tính chính xác, đầy đủ của các văn bản quy phạm pháp luật. Thời gian thực hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày đăng tải trên hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản do Sở, ban, ngành cấp tỉnh cung cấp, Sở Tư pháp phải thực hiện đăng tải văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này, Sở Tư pháp phải đăng tải văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

5. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo có sự khác nhau giữa các thông tin cơ bản của văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật với bản chính văn bản thì Sở Tư pháp phải tiến hành đính chính và thông báo công khai nội dung đính chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

6. Bảo đảm an toàn tài khoản quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật được cấp.

7. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc bảo đảm an toàn, chia sẻ, kết nối, tích hợp và trích xuất dữ liệu văn bản.

8. Định kỳ tháng 12 hàng năm báo cáo về tình hình cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật gửi Bộ Tư pháp.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật tích hợp về trang hoặc Mục văn bản quy phạm pháp luật



trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của tỉnh; lưu trữ dự phòng dữ liệu của tỉnh tại hệ thống kỹ thuật công nghệ thông tin tập trung của tỉnh.

2. Hướng dẫn các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã về các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có sử dụng văn bản khi thực hiện nâng cấp hoặc xây dựng mới phải bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

3. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn đảm bảo an toàn, khắc phục những sự cố kỹ thuật (nếu có) kết nối internet trên địa bàn với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật của cán bộ, công chức và công dân.

Điều 10. Trách nhiệm của Chi cục văn thư lưu trữ và Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh

Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật (bản giấy và bản điện tử) được ban hành trước ngày Nghị định 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật có hiệu lực thi hành (ngày 20/7/2015) nhằm phục vụ việc cập nhật văn bản quy phạm pháp luật vào hệ cơ sở dữ liệu quốc gia.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện cập nhật văn bản lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

2. Hàng năm, Sở Tư pháp lập dự toán kinh phí triển khai thực hiện việc thu thập, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật vào hệ cơ sở dữ liệu gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Quy chế này tại cơ quan, đơn vị mình.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, kịp thời báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./. *Hg*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Đại